

HỌ BẦU BÍ (CUCURBITACEAE) Ở VIỆT NAM

NÔNG VĂN TIẾP

Họ bầu bí (Cucurbitaceae) ở Việt Nam đến nay đã biết 23 chi, 64 loài, là những cây thảo một năm hay nhiều năm, mọc hoang dại hay trồng. Các loài mọc hoang dại phân bố rải rác trong các điều kiện sinh thái rất khác nhau, số lượng cá thể ít. Các loài có thân leo dài (trên 3m) hầu như chỉ gặp trong rừng thưa hay vùng núi đá vôi, còn các loài có thân leo ngắn hơn thì mọc ở ven làng. Những nơi chúng mọc thường là đất ít nhiều màu mỡ và ẩm. Các loài cây trồng họ bầu bí chiếm một tỷ lệ khá lớn gồm 14 trong số 64 loài thuộc 9 chi (xem bảng).

Tên chi	Số loài ở VN	Số loài cây trồng	Số loài làm thuốc		Bộ phận làm thuốc
			cây trồng	cây mọc dại	
Neolalsomi tra	2			1	
Hemsleya	1			1	Rễ củ
Zononia	1				
Actinostemma	1				Hạt và cả cây
Gomphogyne	1				
Gynostemma	2				
Thladiantha	4				
Momordica	3	2	2		Hạt, rễ
Benincasa	1	1	1		Hạt, vỏ quả
Luffa	2	2	2		Nắp quả, sơ mướp
Secchium	1	1			
Zehneria	3			1	Cả cây
Mukia	2				
Solena	1			1	Rễ củ, quả
Coccoloba	1				
Cucumis	2	2	2		dây, rốn củ quả
Hodgsonia	1				
Trichosanthes	10	2		2	Vỏ quả, hạt, rễ củ
Lagennaria	1	1	1		Vỏ quả
Gymnopetalum	2				
Cucurbita	2	2	1		Hạt
Citrullus	1	1	1		Vỏ quả
Diplocyclos	1				
	46	14	10	6	

Ở Việt Nam các loài họ bầu bí phân bố hầu như khắp đất nước, từ vùng rừng núi, trung du đến các bãi đảo từ lâu nhân dân đã biết dùng các cây họ bầu bí, nhất là cây trồng, làm thực phẩm và thuốc. Các bộ phận được dùng làm thuốc là quả, hạt, rễ (thường là rễ củ), số ít loài thì dùng cả cây. Hạt bầu bí có chứa một lượng lớn Protein có tác dụng điều hòa hoạt độ prateinaza đã được sử dụng nhiều trong y học [3, 5, 6, 7] Quả bầu bí thường có các chất cay làm ngon miệng. Đó là các triterpenn-saponin [1, 2, 7]. Ngoài ra chúng còn có các chất độc ở dạng glucosid như bryonin ở quả cây Song qua (*Diplocyclos palmatus* (L.) B. Jeffrey. Đến nay đã thống kê được 16 loài bầu bí thuộc 12 chi, chiếm 1/3 tổng số loài ở Việt Nam dùng làm thuốc, trong đó có 6 loài cây mọc dại các cây này có thể sử dụng đơn độc hay phối hợp với các vị thuốc khác để chữa các bệnh phong thấp, viêm nhiễm, chống nôn mửa, giải độc, hoạt huyết, lợi tiểu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Botanical institute of Chinese academy: Cucurbitaceae in Iconographia Cormophytorum Sinicorum, 4: 344—372. 1975.
2. Chun W. Y., C.C. Cheng et F. H.Chen: Cucurbitaceae in Fl. Hainanica, 1-468—485. 1964.
3. Hojima Y., J. V. Pière, JJ; Pisano: Throm. Res. 20: 163. 1980.
4. Keraudren—Aymonia K.: Cucurbitaceae in Aubreville ed.: Fl. Cambodge, Laos et Viet Nam, 15: 3—110. 1975.
5. Leluk J., J. Otlewski, M. Wiciorok, A. Polanowski, T. Wilusz: Acta Biochim. Pol. 30: 127. 1983
6. Phạm Tuấn Nghĩa, Phạm Trân Châu: Tạp chí Sinh học 9 (3): 12—17. 1987.
7. Polanowski A., T. Wilusz, B. Niemantowicz, E. Ciesla, A. Stominska K. Nowak: Acta Biochim. Pol. 27: 371. 1980

Nông Văn Tiếp

THE FAMILY CUCURBITACEAE IN VIET NAM

The family Cucurbitaceae in Viet Nam consists of 23 genera with 46 species, in which 7 genera with 14 species are cultivars. 15 species (10 cultivars, 6 wilds) are of use to treating.

Bộ môn Thực vật học
Trưởng Đại học Tổng hợp Hà nội

Nhận bài ngày 6/9/1988